

LỖI LIÊN KẾT TRONG KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Huyền Trang
Học viện Cảnh sát nhân dân

Tóm tắt: Liên kết là yếu tố quan trọng bảo đảm tính mạch lạc của văn bản và cũng là khó khăn đối với người học tiếng Trung Quốc như ngoại ngữ. Nghiên cứu vận dụng lý thuyết Phân tích lỗi của Corder và phương pháp hỗn hợp để khảo sát lỗi liên kết trong bài viết của sinh viên hệ chính quy tại Học viện Cảnh sát nhân dân. Dữ liệu gồm 360 bài viết, khảo sát 360 sinh viên và 12 giảng viên, cùng phỏng vấn bổ sung. Kết quả cho thấy sinh viên còn hạn chế trong kết nối câu, sử dụng phương tiện liên kết, phát triển ý và tổ chức văn bản theo thể loại. Nghiên cứu đề xuất tăng cường dạy viết theo tiến trình và thể loại, chú trọng luyện phương tiện liên kết, lập dàn ý, tổ chức đoạn văn và tự chỉnh sửa.

Từ khóa: Lỗi liên kết; phân tích lỗi; kỹ năng viết; tiếng Trung Quốc; sinh viên.

COHESION ERRORS IN CHINESE WRITING AMONG FULL-TIME STUDENTS AT THE PEOPLE'S POLICE ACADEMY

Abstract: Cohesion is an important element in ensuring textual coherence and is also a challenge for learners of Chinese as a foreign language. This study applies Corder's Error Analysis framework and a mixed-methods approach to investigate cohesion errors in the writing of full-time students at the People's Police Academy. The data include 360 student writing samples, survey responses from 360 students and 12 lecturers, and supplementary interviews. The findings show that students still face difficulties in connecting sentences, using cohesive devices, developing ideas, and organizing texts according to genre conventions. The study therefore recommends strengthening process- and genre-based writing instruction, with greater emphasis on cohesive devices, outlining, paragraph organization, and self-editing.

Keywords: Cohesion errors; error analysis; writing skills; Chinese; students.

Nhận bài: 10/09/2026

Phản biện: 10/10/2026

Duyệt đăng: 14/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong dạy và học ngoại ngữ, viết là kỹ năng tổng hợp, đòi hỏi người học không chỉ vận dụng chính xác từ vựng và ngữ pháp mà còn phải có khả năng tổ chức ý tưởng, liên kết các đơn vị ngôn ngữ và kiến tạo văn bản có tính mạch lạc, thống nhất. Ở trình độ cao hơn, năng lực viết được thể hiện không chỉ ở độ chính xác của câu mà còn ở khả năng duy trì chủ đề, thiết lập quan hệ logic và tổ chức nội dung ở cấp độ đoạn văn và toàn văn bản.

Đối với tiếng Trung Quốc, kỹ năng viết đặt ra yêu cầu đồng thời về từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán và năng lực tổ chức diễn ngôn. Thực tiễn giảng dạy tại Học viện Cảnh sát nhân dân cho thấy sinh viên hệ chính quy còn mắc nhiều lỗi liên kết, biểu hiện ở sự rời rạc về ý, thiếu tính mạch lạc, thiếu hoặc sử dụng chưa phù hợp các phương tiện liên kết và tổ chức bố cục chưa đáp ứng đặc trưng thể loại.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu vận dụng lý thuyết Phân tích lỗi của Corder, kết hợp phương pháp định lượng và định tính nhằm khảo sát lỗi liên kết trong kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy tại Học viện Cảnh sát nhân dân. Dữ liệu nghiên cứu gồm 360 bài viết, kết quả khảo sát 360 sinh viên và 12 giảng viên, kết hợp phỏng vấn một số giảng viên và sinh viên để đối chiếu giữa lỗi biểu hiện trong sản phẩm viết với nhận thức của người học và người dạy. Từ kết quả phân tích,

bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế lỗi liên kết, qua đó góp phần nâng cao năng lực tổ chức diễn ngôn và chất lượng kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu vận dụng lý thuyết Phân tích lỗi của Corder, xem lỗi ngôn ngữ là những lệch chuẩn có tính hệ thống, phản ánh hạn chế trong năng lực ngôn ngữ và quá trình hình thành ngôn ngữ trung gian của người học (Corder, 1967, tr. 166–167). Trên cơ sở đó, các lỗi liên kết trong bài viết của sinh viên được nhận diện, phân loại và phân tích về đặc điểm, tần suất và nguyên nhân.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp định lượng và định tính. Dữ liệu gồm 360 bài viết tiếng Trung Quốc của sinh viên hệ chính quy tại Học viện Cảnh sát nhân dân, được thu thập từ bài thi và bài tập viết, bao gồm câu phức, đoạn văn và văn bản hoàn chỉnh thuộc các chủ đề thông thường và chuyên ngành công an. Quy trình phân tích gồm tuyển chọn ngữ liệu, nhận diện và phân loại lỗi, phân tích nguyên nhân, đánh giá và đề xuất biện pháp khắc phục.

Ngoài ra, nghiên cứu khảo sát 360 sinh viên và 12 giảng viên, đồng thời phỏng vấn một số giảng viên và sinh viên nhằm làm rõ kết quả khảo sát và đối chiếu với dữ liệu bài viết. Việc kết hợp nhiều

nguồn dữ liệu giúp tăng tính đối chiếu và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng lỗi liên kết trong kĩ năng viết tiếng Trung Quốc

3.1.1. Nhận thức của sinh viên về lỗi liên kết trong bài viết

Kết quả khảo sát 360 sinh viên cho thấy 236 sinh viên (65,6%) nhận thức rằng bản thân mắc lỗi liên kết trong quá trình viết. Kết quả này cho thấy sinh viên đã chú ý nhiều hơn đến các vấn đề ở cấp độ diễn ngôn, bao gồm sử dụng từ nối, tổ chức ý, cấu trúc văn bản và lựa chọn phong cách viết phù hợp.

Xét về tần suất, 66 sinh viên (18,3%) cho rằng lỗi xuất hiện “rất thường xuyên”, 126 sinh viên (35,0%) “thường xuyên”, 104 sinh viên (28,9%) “thỉnh thoảng”, 56 sinh viên (15,6%) “hiếm khi” và 8 sinh viên (2,2%) “không bao giờ”.

Về loại lỗi, thiếu liên kết ý và biểu đạt rời rạc chiếm tỷ lệ cao nhất (76,7%), tiếp đến là thiếu hoặc sử dụng sai từ nối (73,3%), thiếu câu chủ đề (68,9%), thiếu phần mở đầu hoặc kết thúc đoạn/bài (65,0%) và tổ chức văn bản không phù hợp với đặc trưng thể loại (60,6%). Các kết quả này cho thấy hạn chế của sinh viên tập trung chủ yếu ở khả năng duy trì tính mạch lạc, sử dụng phương tiện liên kết và tổ chức văn bản theo yêu cầu thể loại. Từ đó, việc kết hợp dạy viết theo tiến trình và theo thể loại, đồng thời tăng cường luyện tập về từ nối, cấu trúc đoạn và bố cục văn bản, là cần thiết.

3.1.2. Quan điểm của giảng viên về lỗi liên kết trong bài viết của sinh viên

Khảo sát 12 giảng viên cho thấy lỗi liên kết được đánh giá xuất hiện với tần suất tương đối cao: 4/12 giảng viên (33,3%) lựa chọn mức “rất thường xuyên”, 6/12 (50,0%) “thường xuyên” và 2/12 (16,7%) “thỉnh thoảng”; không có giảng

viên nào lựa chọn “hiếm khi”. Kết quả này phản ánh những khó khăn của sinh viên trong việc xây dựng câu chủ đề, phát triển ý và sử dụng phương tiện liên kết.

Theo đánh giá của giảng viên, lỗi thiếu liên kết ý, văn bản rời rạc chiếm tỷ lệ cao nhất (83,3%), tiếp đến là thiếu câu chủ đề (75,0%), thiếu hoặc sử dụng sai từ nối (66,7%), tổ chức văn bản không đúng bố cục thể loại (58,3%) và thiếu phần mở đầu hoặc kết thúc (50,0%). Các lỗi này cho thấy người học còn hạn chế trong việc thiết lập mạch phát triển logic, tổ chức đoạn văn và nhận diện cấu trúc văn bản theo đặc trưng thể loại.

Nhìn chung, kết quả khảo sát sinh viên và giảng viên cho thấy sự tương đồng đáng kể. Cả hai nhóm đều xác định thiếu liên kết ý và sử dụng từ nối chưa phù hợp là những lỗi nổi bật. Điều này cho thấy khó khăn của sinh viên không chỉ liên quan đến việc sử dụng các phương tiện liên kết riêng lẻ mà còn phản ánh hạn chế trong khả năng xác lập quan hệ logic giữa các mệnh đề, câu và các đơn vị lớn hơn của văn bản.

3.1.3. Thực trạng lỗi liên kết trong sản phẩm viết của sinh viên

Qua phân tích 360 bài viết của sinh viên, nghiên cứu ghi nhận tổng cộng 564 lỗi liên kết. Kết quả cho thấy các lỗi này không chỉ liên quan đến việc sử dụng từ nối mà còn xuất hiện ở nhiều cấp độ của tổ chức diễn ngôn, qua đó phản ánh những hạn chế trong khả năng liên kết, sắp xếp và tổ chức nội dung văn bản của người học.

Lỗi thiếu liên kết giữa các câu, ý rời rạc: xuất hiện nhiều nhất với 144 trường hợp (25,53%). Đây là dạng lỗi thể hiện sự thiếu gắn kết giữa các câu trong đoạn văn, khiến nội dung bài viết bị rời rạc và thiếu mạch lạc. Nhiều bài viết của sinh viên được xây dựng theo kiểu liệt kê các câu, tồn tại tương đối độc lập, thiếu quan hệ ngữ nghĩa.

Lỗi sai	Gợi ý cách sửa
Ví dụ 1: 警察审问一个嫌疑人。警察问嫌疑人叫什么名字。警察问他做什么工作。警察问他认识照片里的人吗。警察问他昨天晚上从10点到11点半在哪儿。(Cảnh sát thẩm vấn một nghi phạm. Cảnh sát hỏi nghi phạm tên là gì. Cảnh sát hỏi anh ta làm nghề gì. Cảnh sát hỏi anh ta có quen người trong ảnh không. Cảnh sát hỏi anh ta từ 10 giờ đến 11 giờ rưỡi tối qua anh ta ở đâu.)	警察审问一个嫌疑人。警察首先问那个嫌疑人叫什么名字，然后问他做什么工作，认识照片里的人吗。最后，警察问嫌疑人昨天晚上从10点到11点半在哪儿。(Cảnh sát thẩm vấn một nghi phạm. Trước tiên, cảnh sát hỏi nghi phạm đó tên là gì, sau đó hỏi nghề nghiệp của anh ta, có quen người trong ảnh không. Cuối cùng, cảnh sát hỏi nghi phạm từ 10 giờ đến 11 giờ rưỡi tối qua anh ta ở đâu.)

Ví dụ 2: 警察接到报警。他们很快到现场。嫌疑人想逃跑。警察追上去。嫌疑人被警察抓住了。(Cảnh sát nhận được tin báo án. Họ nhanh chóng đến hiện trường. Nghi phạm định bỏ trốn. Cảnh sát đuổi theo. Nghi phạm bị cảnh sát bắt giữ.)

警察接到报警以后，马上到现场。嫌疑人想逃跑，但是警察迅速追上去。最后嫌疑人被警察抓住了。(Sau khi nhận được tin báo, cảnh sát lập tức đến hiện trường. Nghi phạm định bỏ trốn, nhưng cảnh sát nhanh chóng đuổi theo. Cuối cùng, nghi phạm bị cảnh sát bắt giữ.)

Ví dụ 2: 警察接到报警。他们很快到现场。嫌疑人想逃跑。警察追上去。嫌疑人被警察抓住了。(Cảnh sát nhận được tin báo án. Họ nhanh chóng đến hiện trường. Nghi phạm định bỏ trốn. Cảnh sát đuổi theo. Nghi phạm bị cảnh sát bắt giữ.) 警察接到报警以后，马上到现场。嫌疑人想逃跑，但是警察迅速追上去。最后嫌疑人被警察抓住了。(Sau khi nhận được tin báo, cảnh sát lập tức đến hiện trường. Nghi phạm định bỏ trốn, nhưng cảnh sát nhanh chóng đuổi theo. Cuối cùng, nghi phạm bị cảnh sát bắt giữ.)

Các câu trên về cơ bản đều có thể hiểu được. Tuy nhiên, việc liên tục lặp chủ thể “警察” (cảnh sát) và lặp mô hình “警察问 (cảnh sát hỏi).....” ở Ví dụ 1 khiến đoạn văn mang tính liệt kê hơn là một chỉnh thể diễn ngôn. Các đoạn văn chứa lỗi sai ở trên chỉ gồm các câu đơn, liệt kê sự kiện theo trình tự thời gian, hoàn toàn thiếu các từ liên kết. Người đọc có thể hiểu được nội dung nhưng cảm

nhận rõ sự rời rạc của văn bản. Trong phiên bản chỉnh sửa, các phương tiện “首先 (trước hết)..... 然后 (sau đó).....最后 (cuối cùng).....” xác lập trình tự của các hành động, đồng thời giảm sự lặp lại không cần thiết và tạo ra quan hệ giữa các câu. Tương tự như vậy, Ví dụ 2 cho thấy người viết đã nắm được trình tự sự kiện nhưng chưa chuyển hóa quan hệ thời gian và quan hệ tương phản thành những quan hệ diễn ngôn được biểu đạt rõ ràng. Sau khi sửa lại và thêm các từ liên kết, các câu được kết nối chặt chẽ hơn, tạo thành chỉnh thể thống nhất.

Lỗi thiếu hoặc dùng sai từ nối: đứng thứ hai với 120 trường hợp, chiếm 21,28%. Trong nhiều bài viết, sinh viên hoặc không sử dụng các phương tiện liên kết như 因为 (vì).....所以 (nên)....., 不但 (không những).....而且 (mà còn)....., 虽然 (tuy).....但是 (nhưng)..... hoặc sử dụng không đúng ngữ cảnh, dẫn đến sự gián đoạn trong mạch diễn đạt. Ví dụ:

Lỗi sai	Gợi ý cách sửa
Ví dụ 3: 他考人民警察学院， 所以从小就想成为一名警察。(Anh ấy thi Học viện Cảnh sát nhân dân, cho nên từ nhỏ mong muốn trở thành cảnh sát)	我从小就想成为一名警察， 所以报考人民警察学院。(Từ nhỏ tôi đã mơ ước trở thành cảnh sát, cho nên tôi đăng ký thi vào Học viện Cảnh sát nhân dân)
Ví dụ 4: 虽然下雨， 不能上课。(Tuy trời mưa, không thể đến lớp)	因为下雨， 所以不能上课。(Vì trời mưa nên không thể đến lớp)

Ở Ví dụ 3, mối quan hệ nguyên nhân và kết quả bị đảo ngược. Ví dụ 4 sử dụng cấu trúc “虽然 (tuy).....但是 (nhưng).....” biểu thị sự nhượng bộ, trong khi nội dung câu lại biểu thị quan hệ nhân quả. Các lỗi trên cho thấy vấn đề không đơn thuần nằm ở việc “không nhớ từ nối” mà ở khả năng ghép phương tiện liên kết với quan hệ logic phù hợp.

Lỗi bài viết thiếu logic, trình bày lộn xộn: Qua khảo sát, có 96 trường hợp bài viết thiếu logic, trình bày lộn xộn (17,02%). Loại lỗi này biểu hiện ở việc các ý tưởng trong bài viết không được sắp xếp theo trình tự hợp lý, thiếu quan hệ nhân quả hoặc quan hệ diễn tiến rõ ràng. Điều này khiến nội

dung bài viết trở nên khó theo dõi và làm giảm tính mạch lạc của văn bản. Chẳng hạn: 警察的工作很重要。我小时候就想成为一名警察。现在犯罪很多。我哥哥也是警察。警察抓小偷。我考上人民警察学院。(Công việc của cảnh sát rất quan trọng. Từ nhỏ, tôi đã mơ ước trở thành cảnh sát. Hiện nay, tội phạm rất nhiều. Anh trai tôi cũng là cảnh sát. Cảnh sát bắt kẻ trộm. Tôi thi đỗ Học viện Cảnh sát nhân dân). Các câu riêng lẻ đều có thể hiểu được, nhưng nội dung chuyển đột ngột giữa nghề cảnh sát, nguyện vọng cá nhân, tình hình tội phạm, người anh trai và việc thi vào Học viện Cảnh sát nhân dân, nên chưa hình thành một mạch phát triển thống nhất. Lỗi này cho thấy sinh

viên còn hạn chế trong việc lập ý và tổ chức thông tin trước khi viết.

Lỗi thiếu ý hoặc lặp ý: Lỗi thiếu ý hoặc lặp ý cũng xuất hiện khá phổ biến (84 trường hợp, chiếm 14,89%). Một số bài viết chỉ trình bày sơ lược, chưa đủ ý; một số bài khác lặp lại ý tưởng dưới các hình thức diễn đạt khác nhau. Chẳng hạn, khi viết về chủ đề “我的一天” (Một ngày của tôi), có sinh viên chỉ trình bày ngắn gọn: “我的一天很忙。早上5点我起床。然后七点我去上课。下午我去图书馆。晚上我睡觉。我很累。” (Một ngày của tôi rất bận rộn. Tôi thức dậy lúc 5 giờ sáng. Sau đó, tôi đi học lúc 7 giờ. Buổi chiều tôi đi thư viện. Buổi tối tôi đi ngủ. Tôi rất mệt). Đoạn văn có trình tự thời gian nhưng nội dung phát triển còn hạn chế. Người viết chủ yếu liệt kê các hoạt động mà chưa phát triển quan hệ giữa hoạt động, thời gian, nguyên nhân, cảm nhận và kết quả. Bên cạnh đó, cũng có những bài viết bị lặp ý như khi viết về chủ đề “我的学校” (Trường học của tôi), có sinh viên viết “我的学校很大, 很现代。学校的楼很大, 很高, 很现代。学校的操场很大。学校的图书馆也很大。学校的学生很多, 男生多, 女生少。学校的老师很多。学校的课程很多。” (Trường tôi rất rộng, rất hiện đại. Các tòa nhà cao tầng của trường tôi rất lớn, rất cao, rất hiện đại. Sân vận động trường tôi rất rộng. Thư viện trường tôi cũng rất rộng. Học sinh trường tôi rất đông). Việc lặp đi lặp lại từ “很大” (rất lớn) và “很多” (rất nhiều) khiến bài viết trở nên nhàm chán, thiếu tính chi tiết. Như vậy, vấn đề ở đây không chỉ là “thiếu từ vựng” mà còn liên quan đến khả năng mở rộng mệnh đề và phát triển thông tin. Người viết cần chuyển từ liệt kê sự kiện sang phát triển ý.

Lỗi thiếu câu chủ đề: Ở cấp độ cấu trúc đoạn, ghi nhận 60 lỗi thiếu câu chủ đề, chiếm 10,64%. Câu chủ đề có vai trò định hướng nội dung và tổ chức các câu trong đoạn. Khi thiếu câu chủ đề, đoạn văn dễ trở nên rời rạc, thiếu trọng tâm. Chẳng hạn, thay vì bắt đầu một đoạn bằng hàng loạt thông tin: “我的学校有很多楼。有图书馆。有操场。有很多学生。老师也很多。” (Trường tôi có rất nhiều tòa nhà cao tầng, có thư viện, có nhiều học sinh. Giáo viên cũng rất đông) có thể xây dựng câu chủ đề “我的学校是一所很好的学校。” (Trường tôi là một ngôi trường rất tuyệt vời). Sau đó phát triển thành đoạn như sau: “学校有很多教学楼, 还有一个很大的图书馆。图书馆里有很多中文书籍, 学生可以在那里学习和查资料。此外, 学校还有宽敞的操场, 为学生

提供了良好的学习和生活环境。” (Trường tôi có nhiều giảng đường, có cả một thư viện rộng lớn. Trong thư viện có sách tiếng Trung Quốc, học sinh có thể học tập và tìm kiếm tài liệu tại nơi đây. Ngoài ra, trường tôi còn có sân vận động rộng rãi, mang lại môi trường học tập và sinh hoạt tốt đẹp cho sinh viên.). Như vậy, câu chủ đề đóng vai trò “trục tổ chức” giúp các câu còn lại cùng hướng về một nội dung trung tâm.

Lỗi ngắt đoạn không hợp lý: Lỗi ngắt đoạn không hợp lý có 36 trường hợp được ghi nhận (chiếm 6,38%). Lỗi này biểu hiện ở việc sinh viên chia đoạn tùy ý hoặc gộp nhiều ý khác nhau vào cùng một đoạn văn. Về bản chất, đây là dấu hiệu cho thấy sinh viên chưa hình thành đầy đủ khái niệm về đơn vị đoạn văn. Người học có thể biết câu và bài nhưng chưa nắm được đoạn văn như một đơn vị tổ chức ý nghĩa trung gian.

Lỗi không đúng bố cục thể loại: Ghi nhận 24 trường hợp, chiếm 4,26%, là nhóm lỗi có tần suất thấp nhất. Lỗi thể hiện ở việc bài viết không tuân theo cấu trúc thể loại, như thiếu mở bài, kết luận hoặc tiêu đề trong đơn xin nghỉ học. Dù tỷ lệ không cao, lỗi này vẫn đáng lưu ý trong đào tạo chuyên ngành, vì các văn bản như đơn, báo cáo, thông báo hay văn bản nghiệp vụ đều có yêu cầu cấu trúc tương đối ổn định. Kết quả cho thấy sinh viên tuy có thể viết câu tương đối đúng ngữ pháp nhưng vẫn gặp khó khăn trong tổ chức nội dung ở cấp độ đoạn và văn bản.

3.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên còn hạn chế trong kết nối câu, phát triển đoạn và tổ chức văn bản. Hai nhóm lỗi “thiếu liên kết giữa các câu” và “thiếu hoặc dùng sai từ nối” chiếm 46,81% tổng số lỗi, phản ánh khó khăn nổi bật trong việc thiết lập quan hệ giữa các ý. Bên cạnh đó, các lỗi rời rạc, thiếu logic, thiếu hoặc lặp ý và thiếu câu chủ đề cho thấy hạn chế còn nằm ở năng lực tổ chức và phát triển ý tưởng ở cấp độ diễn ngôn.

Vì vậy, dạy viết cần chuyển trọng tâm từ luyện câu riêng lẻ sang rèn luyện khả năng kết nối, sắp xếp, phát triển và chỉnh sửa văn bản. Chuyển đi từ tiếng Việt sang tiếng Trung Quốc có thể góp phần hình thành lỗi liên kết, nhưng dữ liệu hiện tại chưa đủ để xác định nguồn gốc cụ thể của từng lỗi và cần được kiểm chứng bằng nghiên cứu đối chiếu chuyên sâu.

Ngoài ra, do sinh viên thực hiện nhiều thể loại văn bản với yêu cầu khác nhau về bố cục và nội

dung, năng lực viết cần được xem xét không chỉ ở độ chính xác của câu mà còn ở khả năng tổ chức văn bản phù hợp với mục đích và đặc trưng thể loại. Do đó, cần tăng cường dạy viết theo hướng kết hợp phương tiện liên kết, tổ chức ý tưởng và đặc trưng thể loại.

3.3. Giải pháp khắc phục lỗi liên kết trong kỹ năng viết

Việc khắc phục lỗi liên kết cần chuyển từ chú trọng sửa sản phẩm cuối cùng sang dạy viết theo tiến trình, gồm các bước: lập ý, lập dàn ý, viết nháp, kiểm tra liên kết, chỉnh sửa và hoàn thiện. Trước khi viết, sinh viên cần xác định chủ đề, các ý chính và quan hệ logic giữa chúng như trình tự, nguyên nhân – kết quả, tương phản, điều kiện, bổ sung và kết luận, từ đó lựa chọn phương tiện ngôn ngữ phù hợp. Bên cạnh đó, cần xây dựng hệ thống bài tập liên kết theo mức độ từ đơn giản đến phức tạp, như nối câu, lựa chọn từ nối, sắp xếp câu, phát hiện và sửa lỗi, chỉnh sửa đoạn văn, viết theo sơ đồ và viết theo thể loại.

Tiếp đó, sinh viên cần được hướng dẫn sử dụng các phương tiện liên kết và thực hành viết lại câu, đoạn văn rời rạc thành đoạn văn, bài văn mạch lạc. Giảng viên có thể giới thiệu với sinh viên nội dung về các phương tiện liên kết như liên từ, đại từ, phép lặp và phép thế. Chẳng hạn, khi viết về trình tự sự việc, sinh viên cần sử dụng các từ nối như: “首先...然后...最后...” (trước hết... sau đó... cuối cùng), khi viết về mối quan hệ nhân quả, có thể sử dụng “因为...所以” (bởi vì... cho

nên)... Đồng thời, cần cung cấp các mẫu câu, đoạn văn, phân tích cách thức liên kết và yêu cầu sinh viên sử dụng các phương tiện liên kết khi thực hành viết.

Ngoài ra, cần tổ chức đánh giá đồng đẳng để sinh viên nhận xét bài viết của nhau về tính mạch lạc và liên kết. Hoạt động này góp phần nâng cao nhận thức về tổ chức diễn ngôn, đồng thời phát triển tư duy phản biện và kỹ năng chỉnh sửa văn bản.

IV. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích 360 bài viết tiếng Trung Quốc, kết hợp khảo sát 360 sinh viên và 12 giảng viên, nghiên cứu xác định 564 lỗi liên kết. Kết quả cho thấy khó khăn của sinh viên chủ yếu nằm ở khả năng kết nối câu, tổ chức đoạn và phát triển nội dung theo mục đích giao tiếp, thay vì chỉ ở việc tạo lập câu riêng lẻ. Sự tương đồng giữa nhận thức của sinh viên và đánh giá của giảng viên, đặc biệt đối với lỗi thiếu liên kết ý và sử dụng từ nối, đồng thời cho thấy sự nhất quán giữa các nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu.

Về lý luận, nghiên cứu góp phần mở rộng phân tích lỗi viết tiếng Trung Quốc từ cấp độ chữ Hán, từ vựng và ngữ pháp sang cấp độ văn bản và diễn ngôn. Về thực tiễn, kết quả cho thấy cần tăng cường dạy viết theo tiến trình và thể loại, luyện tập phương tiện liên kết, lập dàn ý, tổ chức đoạn văn và tự chỉnh sửa; đồng thời phát triển các bài tập viết gắn với những thể loại văn bản có tính ứng dụng trong môi trường đào tạo chuyên ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Corder, S. P. (1967). The significance of learner's errors. *International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 5(1-4), 161–170. <https://doi.org/10.1515/iral.1967.5.1-4.161>
- 陈纾. (2010). 汉语语篇分析. 华东师范大学出版社.
- 何立荣. (1999). 浅析留学生汉语写作中的篇章失误. *汉语学习*, (1), 45–48.
- 张蕊蕊. (2021). 越南学生汉语语篇逻辑连接情况调查研究 [硕士学位论文, 广西民族大学].
- Vũ Thị Thu Hằng. (2014). Nghiên cứu liên kết đoạn văn trong văn bản tiếng Hán hiện đại và ứng dụng nó trong việc dạy - học môn viết tiếng Hán. Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Giảng Thị Mai. (2018a). Phân tích lỗi sai trong dựng đoạn của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Hán giai đoạn trung cấp (Nghiên cứu trường hợp sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai). Luận văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Giảng Thị Mai. (2018b). Một số lỗi về dựng đoạn trong thực hành viết tiếng Trung của sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc Trường Cao đẳng Sư phạm Lào Cai. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ Quân sự*, (14), 38–45.
- Vũ Thị Minh Thanh. (2023). Nâng cao kỹ năng viết cho sinh viên học tiếng Trung Quốc. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 291(2), 38–39.